

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2021/HS-PT**

Ngày: 25 - 01 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thế Cẩm**

Các Thẩm phán: Ông **Võ Minh Diệp**

Ông **Nguyễn Quốc Thiện**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Xuân Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: **279/2020/HS-PT** ngày 18 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo **Trần Văn Đ.** Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: **53/2020/HS-ST** ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Bị cáo có kháng cáo: **Trần Văn Đ.**, sinh năm 1985 tại huyện L, tỉnh Quảng Bình; nơi ĐKKHTT: thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nơi tạm trú: Thôn 7, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 09/12; con ông: **Trần Mạnh C** (Sinh năm 1956) và con bà: **Trà Thị V** (sinh năm 1959); có vợ là **Trương Thị H** (Sinh năm: 1989) và có ba con (lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 12/7/2009, Công an huyện L, tỉnh Quảng Bình, xử phạt vi phạm hành chính, về hành vi “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ ngày 01/01/2020, chuyển tạm giam từ ngày 10/01/2020 đến ngày 20/01/2020 thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh; Tòa án huyện Đ bắt tạm giam ngày 07/7/2020. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo **Võ Thi Y** không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trần Văn Đ là nhân viên hợp đồng lái xe cho công ty TNHH H, Kon Tum. Trong thời gian lái xe chạy tuyến Kon Tum – Đà Nẵng, Định được cánh tài xế giới thiệu và cho số điện thoại của Võ Thị Y để nhận chở hàng kiếm thêm thu nhập. Vào giữa tháng 11/2019, Định dùng số thuê bao 0972.902.722 của mình liên lạc với số điện thoại 0906.493.887 của Võ Thị Y, Định đặt vấn đề “*Trong dịp tết Nguyên đán này ai có nhu cầu mua pháo thì liên hệ làm ăn*”, Y trả lời “*Để xem có ai đặt mua thì sẽ liên hệ lại*”. Từ đó Y đi giới thiệu với bạn bè ai có nhu cầu mua pháo thì liên hệ với Y. Ngày 26/12/2019, Trần Ngọc M dùng số thuê bao 0934.777.841 gọi cho Y giả vờ đặt mua 50 hộp pháo để làm quen (vì Y đã ly hôn chồng), nhưng M không gặp và đặt tiền mua pháo. Y nghĩ M đặt mua pháo thật nên trả lời “*Có gì sẽ liên hệ lại sau*”. Lúc này, Y gọi cho Đ đặt mua 50 hộp pháo, Đ đồng ý và báo giá 700.000 đồng/hộp, Y đồng ý mua. Đ lên cửa khẩu B (thuộc xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum) tìm mua pháo thì gặp một người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) hỏi mua 50 hộp pháo và người đàn ông này nói đang có 45 hộp và bán với giá 650.000 đồng/hộp, Định mua hết 45 hộp pháo trên với tổng số tiền 29.250.000 đồng rồi chuyển về cất giấu. Đến ngày 31/12/2019, Đ gọi cho Y thông báo “*Tối nay xe chở pháo xuống*”, sau đó Đ đi đến Công ty TNHH H Kon Tum nhận xe ô tô Xi téc (xe bồn) BKS: 82C-044.39, điều khiển đến điểm cất giấu pháo bốc lên xe chở đi theo tuyến QL14B hướng Kon Tum đi Đà Nẵng. Trên đường đi, Định gọi cho Y nói “*Khoảng 3 giờ sáng xe đến địa phận Đ cho người ta nhận hàng*”, Y đáp “*Xe đến thì liên lạc tôi sẽ có người ra nhận*”. Đến khoảng 4 giờ 00 ngày 01/01/2020, xe Đ đến địa phận thuộc thôn Đ, xã Đ, huyện Đ thì dừng lại và gọi điện cho Y nói “*Cho người ra nhận hàng*”. Tại đây, Tổ công tác Công an huyện Đ tiến hành kiểm tra xe ô tô Xi téc 82C-044.39 phát hiện dưới gầm sau đuôi xe có 02 bao tải trắng – hồng và 05 bao ni lông màu đen bên trong có chứa tổng cộng 45 hộp pháo, Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Trần Văn Đ cùng tang vật rồi đưa về trụ sở Công an huyện Đ để làm việc. Đ thừa nhận, 45 hộp pháo này do bị cáo Y đặt mua.

Vào sáng ngày 01/01/2020, Võ Thị Y gọi điện cho Đ nhưng không thấy Đ bắt máy nên Y ra địa điểm nhận hàng xem thì nghe thông tin có xe bồn chở pháo vừa bị Công an huyện Đ bắt quả tang. Nghe vậy, Y đến Công an huyện Đ đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Y khai nhận có đặt Trần Văn Đ mua 50 hộp pháo với giá 700.000 đồng/hộp, nhưng Đ chỉ mua được 45 hộp pháo, Y khẳng định 45 hộp pháo mà Đ mua và vận chuyển về bị bắt quả tang vào ngày 01/01/2020 chính là pháo do Y đặt mua, vì trước đây trong thời gian làm ăn ở biên giới Lào (cửa khẩu B thuộc xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum) Y đã biết loại pháo này. Mục đích của Y mua pháo của Đ để bán lại cho người khác để kiếm lời. Y không trực tiếp nhận pháo để bán mà làm trung gian giữa người bán và người mua thu chênh lệch 50.000đ/hộp pháo.

Bị cáo Trần Văn Đ và bị cáo Võ Thị Y còn khai nhận trước lần bắt quả tang, khoảng ngày 21/12/2019, các bị cáo còn có hành vi mua bán 20 hộp pháo, nhưng

không rõ loại pháo gì, trọng lượng bao nhiêu, thu lợi 2.000.000 đồng, mỗi bị cáo chia nhau hưởng lợi 1.000.000 đồng.

M khai nhận, vào ngày 26/12/2019, M có điện thoại cho Võ Thị Y giả vờ đặt mua 50 hộp pháo, mục đích là chọc ghẹo Y chứ không có mục đích mua bán pháo với Y. Việc mua bán pháo giữa Y và Đ thì M không biết.

Theo Kết luận giám định số : 01/C09C (Đ3, Đ4), ngày 03/01/2020 của Phân viện Khoa học Hình sự tại thành phố Đà Nẵng (thuộc Viện Khoa học hình sự) xác định: “45 khối hộp (mỗi khối hộp có kích thước: 17 cm x 17 cm x 10 cm, bên ngoài mỗi khối hộp bọc giấy màu có in hoa văn và chữ nước ngoài, bên trong mỗi hộp gồm 49 ống giấy hình trụ tròn liên kết với nhau), đều là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ, tổng trọng lượng 70,69 kg”.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số: **53/2020/HS-ST** ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam đã quyết định: Tuyên bố bị cáo **Trần Văn Đ** phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

Áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn Đ 03** (Ba) năm **06** (Sáu) tháng tù; được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam lần đầu là 19 ngày (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 20/01/2020), thời gian còn lại phải chấp hành là **03** (Ba) năm, **05** (Năm) tháng **11** (Mười một) ngày tù. Hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam lần hai (07/7/2020).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần hình phạt đối với bị cáo Võ Thị Yên, phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Vào ngày 10/11/2020, bị cáo Trần Văn Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Văn Đ về tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 190 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật. Đồng thời, đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để làm căn cứ xử phạt bị cáo mức án 03 năm 06 tháng tù là có cơ sở, tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội cũng như nhân thân và vai trò của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, không phát sinh tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Trần Văn Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Xét đơn kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo của bị cáo là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Văn Đ khai nhận: Ngày 26/12/2019, bị cáo Y điện thoại cho bị cáo Đinh đặt mua 50 hộp pháo, hai bên thỏa thuận giá 700.000 đồng/ hộp. Bị cáo Đinh lên cửa khẩu B(*thuộc xã B, huyện N, tỉnh Kon Tum*) mua được 45 hộp pháo, tổng trọng lượng 70,69 kg, với giá 650.000 đồng/ hộp, tổng số tiền 29.250.000 đồng của một người đàn ông (*không rõ họ tên, địa chỉ*), rồi đem về cất giấu. Đến ngày 31/12/2019, bị cáo Đinh sử dụng xe ô tô Xi téc (xe bồn) BKS: 82C - 044.39 của Công ty TNHH H Kon Tum, vận chuyển về thôn Đ, xã Đ, huyện Đại Lộc để giao cho bị cáo Y bán kiếm lời. Tại đây, bị cáo Đinh bị Công an huyện Đ bắt quả tang cùng các tang vật.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định khoa học hình sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi buôn bán trái phép 45 hộp pháo nổ, có tổng trọng lượng **70,69** kg nên Bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2020/HS-ST ngày 09/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam đã kết án bị cáo Trần Văn Đ về tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 190 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xem xét nhân thân, vai trò và áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự để làm căn cứ xử phạt bị cáo Trần Văn Đ mức án 03 năm 06 tháng tù là có cơ sở. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo cung cấp Đơn xác nhận với nội dung “Trước đây, bị cáo đã từng cứu sống được một ngư dân trong đợt bão vào năm 2017 tại thành phố N, tỉnh Khánh Hòa”, đây được xem là tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, xét thấy mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là đã có sự khoan hồng, mức án thấp dưới khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 190 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Trần Văn Đ phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

Áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn Đ 03** (Ba) năm **06** (Sáu) tháng tù, về tội “Buôn bán hàng cấm”; được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam lần đầu là 19 ngày (*từ ngày 01/01/2020 đến ngày 20/01/2020*), thời gian còn lại phải chấp hành là **03** (Ba) năm, **05** (Năm) tháng, **11** (Mười một) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam lần hai (ngày 07/7/2020).

2. Bị cáo Trần Văn Đ phải chịu **200.000** đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 25/01/2020).

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành TT;
- Người tham gia TT;
- Phòng PV06 CA Q.Nam;
- P.HSNV Sở tư pháp Q. Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thế Cẩm

